

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 535/BC-UBND

Sơn La, ngày 20 tháng 11 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2022 và dự kiến kế hoạch tài chính năm 2023, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý**

Kính gửi: Kỳ họp thứ sáu - HĐND tỉnh khóa XV

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính-ngân sách 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm. Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 08/TTr-STC ngày 10/11/2022, UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2022, dự kiến kế hoạch tài chính năm 2023 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý, như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH RÀ SOÁT, SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**

##### **1. Tình hình chung về các quỹ TCNN do địa phương quản lý**

- Theo quy định tại khoản 19 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) và khoản 5, Điều 12 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với NSNN, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

- Đến nay trên địa bàn tỉnh có 16 loại quỹ tài chính nhà nước<sup>1</sup> (một số quỹ tại cấp tỉnh, cấp huyện trùng tên gọi và chức năng hoạt động), giảm 05 quỹ<sup>2</sup> so với năm 2021 do đang trong quá trình rà soát, xác định lại cơ cấu tổ chức, hoạt động theo quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của

<sup>1</sup> Gồm: Quỹ vì người nghèo; Quỹ cứu trợ; Quỹ nạn nhân chất độc màu da cam; Quỹ hỗ trợ nông dân; Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã; Quỹ phát triển đất; Quỹ bảo vệ môi trường; Quỹ đền ơn, đáp nghĩa; Quỹ bảo trợ trẻ em; Quỹ phòng chống thiên tai; Quỹ bảo vệ và phát triển rừng; Quỹ khuyến học; Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm địa phương (ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội); Quỹ phòng chống tội phạm; Quỹ bảo trợ trẻ tàn tật trẻ mồ côi; Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo.

<sup>2</sup> Quỹ an ninh quốc phòng; Quỹ nghĩa tình đồng đội; Quỹ người cao tuổi; Quỹ xóa nhà tạm; Quỹ chữ thập đỏ



Chính phủ, qua theo dõi không phát sinh về nguồn vốn và hoạt động trong năm 2022. Đối với 16 loại quỹ ngoài ngân sách do địa phương quản lý, cấp tỉnh quản lý 16/16 loại quỹ quy mô chiếm 90,7%; cấp huyện quản lý 09/16 loại quỹ chiếm 9,3%. Xét về quy mô, có 05 quỹ nguồn thu và nhiệm vụ chi lớn<sup>3</sup>; các quỹ còn lại có quy mô nhỏ, phạm vi hoạt động hẹp. Năm 2022, có một số quỹ được ngân sách các cấp hỗ trợ vốn theo quy định của Pháp luật, như: Quỹ phòng chống tội phạm; Quỹ hỗ trợ nông dân; Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo; Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm địa phương. Các quỹ còn lại hoạt động từ nguồn vốn tồn dư của năm trước chuyển sang và các nguồn thu khác của quỹ (*nguồn thu từ đóng góp, ủng hộ của tổ chức, cá nhân, nguồn thu khác từ phí cho vay, lãi tiền gửi*); tuy nhiên, hầu hết các quỹ tài chính ngoài ngân sách không huy động được hoặc rất ít các nguồn vốn hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân khác.

- Việc thành lập và hoạt động của các quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan (Luật, Pháp lệnh, Nghị định của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định của UBND tỉnh) chế độ quản lý tài chính các quỹ thực hiện theo các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, Quyết định của bộ, ngành chủ quản, Quyết định của UBND tỉnh...

## **2. Tình hình rà soát, sắp xếp lại, đổi mới cơ chế hoạt động của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách**

Thực hiện quy định của Luật NSNN, triển khai Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và chỉ đạo của Bộ Tài chính, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nội vụ, các Sở, ngành liên quan rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý, đề xuất với cấp có thẩm quyền xem xét phương án xử lý đối với hoạt động của một số quỹ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục tiêu đề ra, hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, trùng lặp về mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ, trùng lặp nguồn thu, nhiệm vụ chi với NSNN.

**2.1.** Trong năm 2022 đã thành lập mới 01 “Quỹ vì biển, đảo Việt Nam” tỉnh Sơn La theo Quyết định số 1365/QĐ-TTg ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Hướng dẫn số 3332/HD-BCĐ ngày 03/9/2021 của Ban Chỉ đạo “Quỹ vì biển, đảo Việt Nam” về quy chế quản lý, sử dụng “Quỹ vì biển, đảo Việt Nam”; UBND tỉnh đã thành lập Ban vận động “Quỹ vì biển, đảo Việt Nam” tỉnh Sơn La, tại Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 31/8/2022, giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh là cơ quan thường trực. Theo báo cáo của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, hiện nay đang hoàn thiện các văn bản có liên quan<sup>4</sup> để tổ chức triển khai thực hiện Quỹ từ năm 2023.

<sup>3</sup> Gồm: Quỹ hỗ trợ nông dân; Quỹ bảo vệ phát triển rừng; Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm địa phương; Quỹ phát triển đất; Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo.

<sup>4</sup> (1) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban vận động “Quỹ vì biển, đảo Việt Nam” tỉnh Sơn La; (2) Quyết định thành lập bộ phận giúp việc Ban vận động “Quỹ vì biển, đảo Việt Nam” tỉnh Sơn La; (3) Quyết định



**2.2. Về rà soát, hoàn thiện các văn bản pháp luật các Quỹ theo quy định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ trong thời gian qua**

Căn cứ các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương quy định về tổ chức, quy chế hoạt động của các quỹ ngoài ngân sách, UBND tỉnh đã giao các cơ quan chủ quản của các quỹ rà soát, trình UBND tỉnh quyết định cơ cấu, tổ chức bộ máy, quy chế hoạt động của 04 quỹ ngoài ngân sách do địa phương quản lý, đảm bảo thống nhất, bám sát theo quy định của cấp có thẩm quyền.

(1) Quỹ bảo vệ và phát triển rừng: Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2022-2026, trong đó Quỹ bảo vệ và phát triển rừng được xếp vào nhóm 2 (đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên); đồng thời ban hành Quyết định số 3179/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 quy định về Điều lệ tổ chức hoạt động của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Sơn La; Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 về ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.

(2) Quỹ phòng, chống thiên tai: Thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung Luật phòng, chống thiên tai và Luật đề điều năm 2020; Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 về thành lập Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Sơn La (thay thế Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 18/6/2015 của UBND tỉnh).

(3) Quỹ đền ơn đáp nghĩa: Căn cứ Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 09/12/2020 về ưu đãi người có công với cách mạng; Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 về thành lập Quỹ đền ơn đáp nghĩa tỉnh Sơn La.

(4) Nguồn vốn cho vay và giải quyết việc làm địa phương: Thực hiện Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 13/9/2021; Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 về quy chế quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng CSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh (thay thế Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 25/10/2017).



**2.3. Về hoàn thiện các văn bản pháp luật tăng cường quản lý, giám sát, nâng cao hiệu quả hoạt động trong thời gian tới**

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thiện và trình Chính phủ ban hành văn bản pháp luật tăng cường quản lý, giám sát, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách liên quan đến 03 quỹ do địa phương quản lý, cụ thể:

(1) Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã: Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 quy định thống nhất việc thành lập, mô hình tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ và phát triển HTX từ Trung ương đến địa phương; đồng thời ban hành Thông tư số 52/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 hướng dẫn về cơ chế quản lý tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại quỹ và chuyển đổi mô hình của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX.

(2) Quỹ hỗ trợ nông dân: Bộ Tài chính đang phối hợp với Trung ương Hội nông dân Việt Nam xây dựng dự thảo Nghị định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân, trình Chính phủ xem xét, phê duyệt.

(3) Quỹ bảo vệ môi trường: Bộ Tài nguyên và Môi trường hiện đang hoàn thiện dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính của Quỹ, phù hợp với quy định tại Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Đồng thời, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang xây dựng, hoàn thiện dự thảo Thông tư hướng dẫn việc cho vay ưu đãi, tài trợ và hỗ trợ sau đầu tư để tăng cường nhiệm vụ cho vay ưu đãi các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Sau khi Chính phủ, các Bộ, ngành ban hành văn bản liên quan đến mô hình và tổ chức hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân, Quỹ bảo vệ môi trường, UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành liên quan rà soát hoạt động các Quỹ và tham mưu triển khai thực hiện theo quy định.

## **II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2022**

### **1. Kết quả đạt được**

- Tổng số dư nguồn của 16 quỹ đầu năm là 606,15 tỷ đồng, chủ yếu là số dư của một số quỹ lớn, như: Quỹ bảo vệ phát triển rừng 200 tỷ đồng (chiếm 34,3%) nguồn vốn quỹ này không thực hiện bảo toàn và phát triển mà thực hiện nhiệm vụ chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng, các khoản chi hoạt động bộ máy và các khoản chi khác; Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm địa phương 151 tỷ đồng (chiếm 24,9%); Quỹ phát triển đất 117,3 tỷ đồng (chiếm 19,4%); Quỹ hỗ trợ nông dân 47,1 tỷ đồng (chiếm 7,8%); Quỹ bảo vệ môi trường 42,1 tỷ đồng (chiếm 6,9%); các quỹ còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể (khoảng dưới 2%).

- Ước thực hiện năm 2022, tổng vốn phát sinh tại các quỹ là 362,42 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ là 65,85 tỷ đồng<sup>5</sup>, các khoản phát sinh còn lại

<sup>5</sup> Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo 40 tỷ đồng; Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm địa phương 21,2 tỷ đồng; Quỹ hỗ trợ nông dân 3,35 tỷ đồng; Quỹ phòng chống tội phạm 1,2 tỷ đồng



do huy động nguồn vốn xã hội hóa và vốn lưu chuyển của các Quỹ. Dự kiến tổng chi các quỹ là 336,72 tỷ đồng, trong đó chi từ nguồn ngân sách nhà nước cấp 67,31 tỷ đồng. Dự kiến số dư nguồn các quỹ đến 31/12/2022 là 640,66 tỷ đồng.

- Theo số liệu tổng hợp của Sở Tài chính, quá trình triển khai thực hiện các Quỹ tài chính ngoài ngân sách đã đạt được những kết quả quan trọng, cụ thể:

+ Công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức quỹ và các cá nhân liên quan về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về tổ chức các loại quỹ ngoài ngân sách nhà nước. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo quản lý nhà nước đối với hoạt động của tổ chức quỹ ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh được tăng cường, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả. Hoạt động của các quỹ ngoài ngân sách nhà nước có tác động tích cực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an toàn và an sinh xã hội của tỉnh.

+ Việc thu, quản lý, sử dụng một số loại quỹ ngoài ngân sách nhà nước, một số khoản huy động của các tổ chức, cá nhân đã có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác vận động quỹ được tiến hành dưới nhiều hình thức, qua đó thu hút nhiều nguồn lực khác nhau để giúp đỡ kịp thời cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thiên tai, dịch bệnh.

+ Các khoản thu, chi quỹ được phản ánh đầy đủ trên hệ thống sổ sách kế toán, việc hỗ trợ cho các đối tượng được thụ hưởng bảo đảm kịp thời và các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền theo đúng mục đích tôn chỉ của điều lệ quỹ, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, việc hạch toán kế toán, quyết toán quỹ và các khoản đóng góp của nhân dân được thực hiện đúng quy định. Tổ chức và hoạt động của các tổ chức quỹ không xảy ra khiếu nại, tố cáo, vi phạm pháp luật.

## **2. Tình hình thực hiện của một số quỹ tài chính lớn**

### **2.1. Quỹ bảo vệ và phát triển rừng**

- Quỹ được thành lập theo Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 của UBND tỉnh, trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT; từ ngày 01/11/2017 đến nay, chuyển về trực thuộc UBND tỉnh theo Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 27/10/2017. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ và phát triển rừng, nay là Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp; Quyết định số 3179/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh.

- Nguồn thu của Quỹ gồm: Nhận ủy thác tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng nhận ủy thác (phần phí dịch vụ ủy thác); tiếp nhận ủy thác tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng; tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế; thực hiện ủy thác chi trả DVMTR với các tổ chức cá nhân. Ước thực hiện năm 2022; tổng số thu của quỹ là 235,8 tỷ đồng; chủ yếu là nguồn thu từ sử dụng dịch vụ môi trường rừng của các Tổ chức, Doanh nghiệp, cá nhân theo hợp đồng được ủy thác và một phần kinh phí trồng rừng thay thế từ ngân sách tỉnh theo quy định.



- Tổng số chi của quỹ dự kiến năm 2022 đạt 231,6 tỷ đồng, chủ yếu chi trả dịch vụ môi trường rừng cho 39.416 chủ rừng cho trên 556.905 ha rừng.

- Công tác quản lý sử dụng, nguồn vốn quỹ thực hiện theo quy định của Chính phủ và các quyết định của UBND tỉnh; Quỹ đã triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến và triển khai chính sách, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; Thử nghiệm, phổ biến, nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững; Thực hiện chương trình, dự án, các hoạt động phi dự án khác do các tổ chức, cá nhân ủy thác (năm 2022 đã ký được 08 hợp đồng ủy thác mới, trong đó 01 cơ sở sản xuất thủy điện và 07 cơ sở sản xuất công nghiệp), qua đó đã góp phần thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển vốn rừng, từng bước tạo thu nhập cho người trồng rừng trên địa bàn, đồng thời mang tính đột phá về mặt tư duy lẫn thực tiễn, giải quyết được 03 vấn đề về môi trường, kinh tế và xã hội.

## 2.2. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã

- Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã được thành lập theo quy định của Luật hợp tác xã; Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ; Thông tư số 52/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 hướng dẫn về cơ chế quản lý tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại quỹ và chuyển đổi mô hình của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX.

- Nguồn thu của Quỹ: Ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ vốn, thu lãi từ các hợp tác xã vay vốn, lãi tiền gửi. Ước tính năm 2022, tổng số thu của quỹ là 2,5 tỷ đồng (thu nợ gốc 2 tỷ đồng và thu lãi 0,5 tỷ đồng). Dự kiến số vốn cho vay trong năm là 2,25 tỷ đồng. Dư nguồn cuối kỳ dự kiến là 2,75 tỷ đồng (dư tiền mặt tại quỹ).

- Nguồn vốn của Quỹ thực hiện hỗ trợ cho các Tổ hợp tác, hợp tác xã, Liên hiệp các hợp tác xã sản xuất kinh doanh, đổi mới phát triển sản phẩm, đổi mới công nghệ kỹ thuật, phát triển thị trường, nhân rộng mô hình,...

- Công tác quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ về cơ bản đã tuân thủ theo các quy định hiện hành của nhà nước. Thông qua chính sách cho vay đã hỗ trợ cho 07 hợp tác xã (với tổng số vốn 2 tỷ đồng), hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã đã góp phần tích cực vào chính sách xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm (giải quyết cho 634 lao động thành viên và lao động tăng thêm), chuyển giao khoa học kỹ thuật, giống vật nuôi, cây trồng có năng suất cao đến với người dân. Đến nay kinh tế nông nghiệp nông thôn nói chung và kinh tế tập thể, HTX nói riêng đã có nhiều khởi sắc và phát triển mạnh, sản phẩm nông nghiệp đã mang tính hàng hóa với quy mô, số lượng, chất lượng và thương hiệu ổn định.

## 2.3. Quỹ Hỗ trợ nông dân

- Quỹ Hỗ trợ nông dân được thành lập trên cơ sở Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 72-QĐ/HNDT ngày 24/4/2014 của Hội nông dân tỉnh. Nguồn thu của quỹ từ nguồn vốn do TW Hội Nông dân Việt Nam ủy thác theo Quyết định 1201-QĐ/HNDTW ngày



31/12/2013 và nguồn vốn do ngân sách tỉnh cấp hàng năm; Nguồn vốn vận động các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, nguồn vốn trích tăng nguồn thu phí theo Quyết định 908-QĐ/HNDTW ngày 15/11/2011 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

- Nhiệm vụ của quỹ: Thực hiện theo Thông tư 69/2013/TT/BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các Quỹ Hỗ trợ Nông dân thuộc hệ thống Hội Nông dân Việt Nam, và được thu phí trên số vốn cho vay, để trang trải các chi phí cần thiết cho hoạt động của Quỹ, theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp các chi phí hoạt động của Quỹ, bảo toàn vốn. Đối với nguồn vốn do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam ủy thác, mức thu phí 0,7%/tháng (8,4%/năm); Nguồn Quỹ nguồn vốn UBND tỉnh cấp, nguồn vận động, ủng hộ mức thu phí 0,6%/tháng (7,2%/năm).

- Ước thực hiện năm 2022, tổng số thu của quỹ là 4,2 tỷ đồng (trong đó cấp tỉnh 1,5 tỷ đồng; cấp huyện 2,7 tỷ đồng). Tổng số chi của quỹ năm 2022 dự kiến đạt 4,2 tỷ đồng. Dự kiến tổng số dư quỹ đến 31/12/2022 là 51,3 tỷ đồng. Quỹ thực hiện cho vay quay vòng theo nguyên tắc bảo toàn vốn, số dư vốn quỹ cuối năm chủ yếu là số dư nợ cho các hộ nông dân vay xây dựng các mô hình phát triển kinh tế, nhằm xóa đói, giảm nghèo.

- Công tác quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước, hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư 69/2013/TT/BTC ngày 21/5/2013. Hàng năm cùng với nguồn vốn ngân sách tỉnh cấp, Quỹ đã vận động ủng hộ từ các tổ chức trên địa bàn tỉnh, bổ sung từ nguồn thu phí, Quỹ tham mưu cho Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh chọn mô hình, hướng dẫn các đơn vị được chọn lập dự án cho hội viên nông dân vay theo quy định. Quá trình tiến hành kiểm tra 159 cuộc tại 444 đơn vị cơ sở Hội xã, phường, thị trấn, tổ tiết kiệm và vay vốn đã xác định việc quản lý, sử dụng nguồn vốn vay được các cấp Hội thực hiện nghiêm túc, vốn vay được hội viên nông dân sử dụng phát triển sản xuất có hiệu quả cao, nguồn vốn huy động được bảo toàn, không thất thoát, chiếm dụng.

- Quá trình thực hiện đã chủ động, đẩy mạnh công tác phối hợp với Chi nhánh NHCSXH, ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tuyên truyền, vận động tổ chức thành lập 1.339 tổ vay vốn tại các xã, phường, thị trấn với 8.830 hộ được vay vốn. Phối hợp tổ chức 63 lớp tập huấn cho 707 đại biểu, 1.858 lượt hội viên trên toàn tỉnh, qua đã góp phần chuyển giao khoa học kỹ thuật, trao đổi kinh nghiệm sản xuất giúp hộ vay sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả.

- Theo báo cáo của Hội nông dân tỉnh, dư nợ hiện nay đang hỗ trợ cho trên 1.700 hộ nông dân, triển khai 207 dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, từng bước xóa đói giảm nghèo (tăng thu nhập bình quân từ 1,2-1,5 triệu đồng/hộ/tháng), tạo việc làm, đưa ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống của nông dân và thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Có thể nói hiệu quả của nguồn vốn đã và đang trở thành điểm tựa, giúp hội viên nông dân trên địa bàn toàn tỉnh đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh, nâng cao thu nhập, giải quyết việc làm, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng nông thôn mới.



## 2.4. Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm địa phương (Ủy thác qua hệ thống NHCSXH)

- Quỹ được thành lập và hoạt động theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2015/NĐ-CP và Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Sơn La. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 730/TTg-KTTH ngày 06/5/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 04/8/2016, theo đó toàn bộ nguồn vốn của Quỹ ủy thác cho chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội - tỉnh Sơn La thực hiện cho các tổ chức, đoàn thể hội và cá nhân vay vốn, tạo việc làm. Nguồn thu của Quỹ chủ yếu do ngân sách nhà nước cấp, thu lãi cho vay và các khoản trích từ phân chia lãi hàng năm; tổng số dư của quỹ đến 31/12/2021 là 151 tỷ đồng.

- Ước tính năm 2022, tổng số thu của quỹ là 25,8 tỷ đồng (do ngân sách nhà nước cấp 21,6 tỷ đồng; trích bổ sung nguồn vốn từ lãi cho vay sau khi trừ chi phí dự phòng rủi ro, phí quản lý, kinh phí ban đại diện 4,2 tỷ đồng), tổng dư nợ ước thực hiện đến 31/12/2022 là 176,8 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch, với tổng số 3.731 khách hàng còn dư nợ, bình quân dư nợ 47,4 triệu đồng/khách hàng, cụ thể như sau: Chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm với 3.589 khách hàng còn dư nợ; Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn với 80 khách hàng còn dư nợ; Cho vay hộ cận nghèo với 14 khách hàng còn dư nợ; Cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn với 40 khách hàng còn dư nợ; Cho vay hộ mới thoát nghèo với 8 khách hàng còn dư nợ.

- Trong năm 2022, chi nhánh đã thực hiện hạch toán xử lý nợ bị rủi ro, xóa nợ cho 02 khách hàng do nguyên nhân khách quan theo quy định tại Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tại Quyết định số 3340/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh, với số tiền 4,6 tỷ đồng (*trong đó nợ gốc 1,6 tỷ đồng; nợ lãi 3 tỷ đồng*). Việc triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, đúng quy trình, quy định của Chính phủ, NHCSXH Việt Nam và Quyết định của UBND tỉnh.

- Hàng năm quỹ cho vay thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn, Hội đoàn thể nhận ủy thác cho vay, tập trung cho vay phát triển kinh tế, nông lâm nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập. Từ nguồn vốn vay, các hộ đã đầu tư trồng cây ăn quả, phát triển trang trại, chăn nuôi gia súc, gia cầm, kinh doanh mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất, dịch vụ; qua đó đời sống của người lao động được cải thiện rõ rệt, góp phần đáng kể xây dựng nông thôn mới, ổn định xã hội, giúp cho trên 400 hộ nghèo thoát nghèo bền vững, đã có nhiều mô hình sản xuất kinh doanh giỏi, thường xuyên được tổng kết, nhân rộng. Mạng lưới hoạt động của NHCSXH đã được mở rộng đến 12/12 huyện, thành phố, 204 xã, phường, thị trấn, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận nguồn vốn vay, góp phần thay đổi tập quán làm ăn, cải thiện đời sống.



## 2.5. Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo

- Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo được thành lập trên cơ sở Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002; Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về khám chữa bệnh cho người nghèo, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định: số 18/2016/QĐ-UBND ngày 03/8/2016, số 12/2017/QĐ-UBND ngày 06/4/2017 về ban hành quy chế hoạt động và tổ chức quản lý, sử dụng Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh.

- Nguồn thu của Quỹ: Theo quy định tại Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ, nguồn tài chính của Quỹ được hình thành từ các nguồn: (1) ngân sách nhà nước; (2) đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; (3) các nguồn tài chính hợp pháp khác. Qua theo dõi từ khi thành lập Quỹ đến nay, kinh phí chi cho công tác khám chữa bệnh cho người người nghèo chủ yếu do ngân sách địa phương đảm bảo. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, các thành viên của Quỹ hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm. Hằng năm, lập kế hoạch sử dụng kinh phí trình UBND tỉnh cấp từ nguồn ngân sách nhà nước để chi trả các khoản kinh phí hỗ trợ Quỹ cho hộ nghèo khi tham gia khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế trên địa bàn.

- Nội dung chi của Quỹ: Hỗ trợ một phần kinh phí tiền ăn điều trị nội trú; tiền xăng xe, đi lại tự túc cho bệnh nhân khám, chữa bệnh; Kinh phí hỗ trợ vận chuyển bệnh nhân tử vong, bệnh nhân tiên lượng không qua khỏi về nhà theo nguyện vọng gia đình cho người nghèo, người dân tộc thiểu số, người sinh sống tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật, người đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước và người mắc bệnh hiểm nghèo (ung thư, chạy thận nhân tạo...) trên địa bàn tỉnh Sơn La theo quy định.

- Năm 2022, tổng nguồn thu của quỹ dự kiến là 40 tỷ đồng (nguồn ngân sách nhà nước cấp), tăng 10 tỷ so với dự toán giao đầu năm, đảm bảo đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho trên 59.236 lượt bệnh nhân trên địa bàn tỉnh.

Như vậy, sau gần 10 năm triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh tại 19 bệnh viện công lập trực thuộc Sở Y tế, người bệnh đã có cơ hội được hưởng việc chăm lo sức khỏe tốt hơn, kết quả trên đã và đang mang lại nhiều quyền lợi thiết thực, trở thành điểm tựa cho một bộ phận không nhỏ người dân nghèo trong việc thăm khám và chăm sóc sức khỏe.

## 2.6. Quỹ Bảo vệ môi trường

- Quỹ bảo vệ môi trường được thành lập tại Quyết định số 75/2006/QĐ-UBND ngày 25/11/2006 của UBND tỉnh; Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BTC ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 về điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ môi trường; Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 về quy chế quản lý tài chính của Quỹ bảo vệ môi trường.



- Quỹ có chức năng nhiệm vụ tiếp nhận và quản lý các nguồn vốn từ Ngân sách nhà nước, tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, các nguồn tiền tài trợ, đóng góp, ủy thác của tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ tài chính cho các chương trình dự án hoạt động nhằm phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường trong địa bàn tỉnh và một số nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

- Tổng số dư của quỹ đến tháng 31/12/2021 là 42,1 tỷ đồng (*NSNN cấp: 3,3 tỷ đồng, tiền gốc ký quỹ: 32,6 tỷ đồng, lãi ký quỹ: 6,2 tỷ đồng*); năm 2022, Quỹ đã ban hành 52 văn bản, tiếp nhận và hướng dẫn cho 32 lượt tổ chức, cá nhân đến làm thủ tục nộp tiền ký quỹ, với tổng số thu của quỹ là 4,5 tỷ đồng (của 30 giấy phép). Dự kiến chi từ quỹ năm 2022 là 300 triệu đồng bao gồm chi lương và các khoản chi theo chế độ cho 02 cán bộ làm việc tại Quỹ. Dư nguồn cuối kỳ dự kiến là 46,3 tỷ đồng (*NSNN cấp: 3,3 tỷ đồng, tiền gốc ký quỹ: 35,3 tỷ đồng, lãi lý quỹ: 7,7 tỷ đồng*).

## 2.7. Quỹ phát triển đất

- Quỹ phát triển đất được thành lập theo quy định tại Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3099/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 về kiện toàn Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất; Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 về ban hành điều lệ tổ chức, hoạt động và quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Sơn La.

- Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận. Nguồn thu của Quỹ: Ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ vốn điều lệ, thu lãi tiền gửi; sử dụng một phần trích từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh và các nguồn tài chính huy động khác.

- Nhiệm vụ của Quỹ: Thực hiện ứng vốn cho các đơn vị được giao phát triển quỹ đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất để đầu tư giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực đã có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất...khi đã có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, phát triển quỹ đất được cấp thẩm quyền phê duyệt và hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đầu tư của dự án.

- Tổng nguồn vốn tiếp nhận từ NSNN là 117,3 tỷ đồng; số dư tại quỹ đầu kỳ là 25,8 tỷ đồng, số thu hồi trong năm 2022 là 85,7 tỷ đồng<sup>6</sup>; dư nguồn tại quỹ cuối kỳ dự kiến đến 31/12/2022 là 117,3 tỷ đồng (trong đó: Dư nguồn tại Quỹ 111,5 tỷ đồng; Dư nợ ứng vốn cho các dự án của huyện Thuận Châu 5,8 tỷ đồng).

<sup>6</sup> BQL các khu công nghiệp tỉnh hoàn trả kinh phí ứng vốn thực hiện công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại tổ 5, phường Chiềng Sinh 67 tỷ đồng; BQLDA ĐTXD huyện Thuận Châu hoàn trả kinh phí tạm ứng bồi thường hỗ trợ GPMB nhà máy chế biến mù cưa su 2 tỷ đồng; BQLDA ĐTXD huyện Vân Hồ hoàn trả nguồn vốn vay từ Quỹ theo Quyết định số 1986/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 là 1,1 tỷ đồng; Huyện Vân Hồ hoàn trả 15,5 tỷ đồng



- Năm 2022, quỹ chủ yếu đơn đốc, thu hồi số vốn đã đến thời hạn ứng vốn để thực hiện các dự án đã đến hạn và quá hạn; đồng thời thực hiện rà soát tổ chức, hoạt động của Quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 4507/BTC-QLCS ngày 19/5/2022 và Công văn số 8114/BTC-QLCS ngày 15/8/2022, cụ thể: *“trong thời gian cấp có thẩm quyền chưa ban hành văn bản thay thế Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, hoạt động của Quỹ phát triển đất phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về ngân sách nhà nước hiện hành và pháp luật có liên quan, theo đó: (i) Không sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất để trích lập Quỹ; (ii) Không sử dụng nguồn vốn hoạt động của Quỹ để chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; (iii) Không sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất để hoàn trả vốn ứng từ Quỹ...”*. Do chưa có đủ cơ sở pháp lý của Quỹ, mặt khác cơ chế chính sách về đầu tư còn vướng mắc (không tách dự án bồi thường với các dự án đầu tư), vì vậy trong năm không có phát sinh việc ứng vốn từ Quỹ.

#### **4.8. Quỹ đền ơn, đáp nghĩa**

- Căn cứ Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 09/12/2020 về ưu đãi người có công với cách mạng; Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 về thành lập Quỹ đền ơn đáp nghĩa tỉnh Sơn La.

- Nguồn vốn hoạt động của Quỹ từ sự đóng góp tự nguyện của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan quân sự, công an, các cơ sở văn hóa, y tế, giáo dục, thể dục thể thao, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh.

- Ước tính năm 2022, tổng số thu của quỹ là 1,85 tỷ đồng, từ nguồn vận động ủng hộ, đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Dự kiến chi 3,73 tỷ đồng (bao gồm cả số dư Quỹ năm 2021 chuyển sang). Dự kiến tồn quỹ năm 2022 là 3,71 tỷ đồng.

- Nhiệm vụ chi của Quỹ: Thực hiện tu bổ nghĩa trang, đài tưởng niệm, xây dựng nhà bia ghi tên liệt sỹ; hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng hoặc thân nhân liệt sỹ; thăm hỏi, hỗ trợ người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ khi ốm đau, khám, chữa bệnh và khi qua đời, chi các hoạt động quản lý quỹ và các hoạt động tuyên truyền, khen thưởng, chỉ đạo, vận động xây dựng Quỹ đền ơn đáp nghĩa.

### **3. Hạn chế, khó khăn**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước còn hạn chế.

- Hầu hết các quỹ đều gặp khó khăn trong việc tự huy động nguồn vốn hoạt động, mức huy động vốn thực tế huy động được không lớn, việc phụ thuộc vào nguồn vốn NSNN dẫn đến hiệu quả hoạt động rất hạn chế, chưa kịp thời.



- Cán bộ thực hiện nhiệm vụ Quỹ đều kiêm nhiệm và được đào tạo với các chuyên ngành khác nhau, chưa được bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ có liên quan; năng lực quản lý, điều hành quỹ chưa cao.

- Các quỹ hoạt động phục vụ đối tượng nông dân, hợp tác xã, phát triển sản xuất - kinh doanh, tạo việc làm, tăng thu nhập: Thời gian cho các HTX vay vốn ngắn (*theo quy định của Quỹ đối đa không quá 3 năm*), đối với HTX nông nghiệp trồng cây ăn quả, chăn nuôi, đầu tư nhà xưởng, máy móc, thiết bị vay vốn gặp khó khăn trong việc quay vòng vốn đầu tư, do các dự án được vay vốn tối thiểu sau 5 năm mới có nguồn thu và đi vào hoạt động ổn định.

- Một số Quỹ hiện nay chưa kiện toàn được tổ chức bộ máy giúp việc (Quỹ bảo vệ môi trường), hoặc đang trong quá trình rà soát lại về tổ chức, hoạt động (Quỹ phát triển đất), do Chính phủ chưa ban hành quy định cụ thể, dẫn đến hoạt động của Quỹ chưa hiệu quả, chưa triển khai một số nhiệm vụ theo quy định, tồn đọng nguồn vốn.

- Công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động của các quỹ trên địa bàn các huyện, xã chưa thường xuyên, tổ chức hoạt động mang tính thời vụ; công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của quỹ chưa được quan tâm đúng mức, nhất là ở cấp huyện, xã.

- Chế độ báo cáo của các huyện, thành phố và các đơn vị chưa kịp thời, nội dung báo cáo chưa phản ánh đầy đủ thực trạng hoạt động của các quỹ và những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, do đó chưa đề xuất kịp thời với cấp có thẩm quyền những giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

**Tóm lại**, hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn năm 2022 đã bám sát kế hoạch tài chính, được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quá trình hoạt động đã chú trọng kiểm tra, kiểm soát, nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ, thúc đẩy xã hội hóa, huy động thêm được nguồn tài chính trong xã hội, giảm bớt sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước qua từng giai đoạn. Một số quỹ có nguồn thu lớn đã góp phần đáng kể vào thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo.

### **III. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2023**

#### **1. Dự kiến kế hoạch tài chính các quỹ năm 2023**

- Dự kiến năm 2023, tổng số thu của 16 loại quỹ là 348,3 tỷ đồng, giảm 3,9% so với ước thực hiện năm 2022<sup>7</sup>, trong đó nhu cầu cấp và hỗ trợ từ NSNN là 84,5 tỷ đồng; tổng số chi các quỹ khoảng 361,7 tỷ đồng, tăng 1% so với ước thực hiện năm 2022; chênh lệch thu chi khoảng 13,3 tỷ đồng; dự kiến dư đến 31/12/2023 là 656,9 tỷ đồng.

- Nhu cầu đề nghị bổ sung từ NSNN của quỹ là rất lớn, tuy nhiên khả năng cân đối nguồn từ ngân sách địa phương rất khó khăn, trong khi yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an sinh xã hội cấp

<sup>7</sup> Chủ yếu giảm Quỹ vì người nghèo, do năm 2022 huyện Mộc Châu, Sông Mã, Quỳnh Nhai đẩy mạnh công tác kêu gọi, huy động đóng góp của các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân để hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn, xóa nhà tạm cho các hộ gia đình khó khăn trên địa bàn, dẫn đến số phát sinh của Quỹ năm 2022 tăng cao đột biến, đến nay về cơ bản các công trình phúc lợi đã hoàn thành đưa vào sử dụng.



thiết cần phải được giải quyết trước. Năm 2023, UBND các cấp dự kiến hỗ trợ từ NSNN cho một số quỹ để thực hiện nhiệm vụ<sup>8</sup>.

Dự kiến kế hoạch tài chính của một số quỹ lớn như sau:

### 1.1. Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo

Dự kiến tổng thu quỹ Khám chữa bệnh người nghèo là 55 tỷ đồng (*NSNN bố trí trong dự toán đầu năm 40 tỷ đồng, dự kiến bổ sung trong năm 15 tỷ đồng*). Trước mắt đảm bảo kinh phí thực hiện hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh cho người nghèo theo quy định tại Quyết định 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 và Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trong thời gian tới, Sở Tài chính phối hợp với Sở Y tế, Sở Lao động tiếp tục thực hiện rà soát, trình UBND tỉnh sửa đổi chính sách theo Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 17/4/2013 của UBND tỉnh theo hướng đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương và chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế hiện nay, đồng thời tiếp tục rà soát đối tượng hưởng do Trung ương điều chỉnh địa bàn xã, bản ĐBKK theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn và Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban dân tộc miền núi phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc. Trong năm, căn cứ đối tượng thực tế, Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo theo quy định.

**1.2. Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm địa phương (Ủy thác qua hệ thống NHCSXH);**

Dự kiến tổng thu quỹ là 22,5 tỷ đồng<sup>9</sup>, tổng số chi của quỹ bằng 22,5 tỷ đồng; dự kiến nguồn dư quỹ 31/12/2023 là 199,3 tỷ đồng, đảm bảo nguồn kinh phí cho vay phát triển kinh tế, nông lâm nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, hỗ trợ làm nhà ở đối với hộ nghèo và gia đình chính sách.

### 1.3. Quỹ hỗ trợ nông dân

Dự kiến tổng thu quỹ là 7,1 tỷ đồng, trong đó NSNN hỗ trợ 5,4 tỷ đồng. Tổng số chi của quỹ là 7,1 tỷ đồng; dự kiến nguồn dư quỹ đến 31/12/2023 là 58,4 tỷ đồng, đảm bảo nguồn kinh phí cho hội viên nông dân vay thực hiện các mô hình đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### 1.4. Quỹ hỗ trợ Hợp tác xã

Dự kiến tổng thu quỹ là 3,9 tỷ đồng, bằng 156% so với ước thực hiện năm 2022. Tổng số chi của quỹ là 5 tỷ đồng (cả vốn thu hồi nợ gốc và lãi cho vay),

<sup>8</sup> Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo; Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm địa phương (Ủy thác qua hệ thống NHCSXH); Quỹ hỗ trợ nông dân; Quỹ phòng chống tội phạm ...

<sup>9</sup> Ngân sách tỉnh 10 tỷ đồng; ngân sách huyện, thành phố 12,5 tỷ đồng theo Thông báo số 259-TB/TU ngày 25/6/2021 của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch 209/KH-UBND ngày 13/9/2021 của UBND tỉnh; Công văn số 22/CV-BĐD ngày 20/9/2022 của Trưởng ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh



đảm bảo nguồn kinh phí cho hỗ trợ cho các hợp tác xã vay phát triển sản xuất, kinh doanh và tạo việc làm và từng bước nâng cao thu nhập cho xã viên và góp phần xóa đói, giảm nghèo cho người dân.

### **1.5. Quỹ bảo vệ và phát triển rừng**

Dự kiến tổng thu quỹ là 228,5 tỷ đồng bằng 97% so với ước thực hiện năm 2022, do kế hoạch nguồn thu từ doanh nghiệp thủy điện ước đạt thấp hơn năm 2022, đồng thời một số đơn vị chi trả dịch vụ môi trường rừng dự kiến dừng hoạt động dẫn đến giảm nguồn thu của Quỹ. Tổng số chi của quỹ bằng 235,1 tỷ đồng; chênh lệch thu chi quỹ trong năm bằng -6,6 tỷ đồng, dự kiến nguồn dư quỹ đến 31/12/2023 là 205,7 tỷ đồng, đảm bảo nguồn kinh phí trả dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng theo quy định của Chính phủ và kế hoạch chi trả năm 2023 của UBND tỉnh và kinh phí hoạt động của bộ máy quản lý.

### **1.6. Quỹ bảo vệ môi trường**

Dự kiến tổng thu quỹ là 4,9 tỷ đồng (*thu tiền gốc ký quỹ: 3 tỷ đồng, lãi ký quỹ: 1,9 tỷ đồng*) bằng 108% so với ước thực hiện năm 2022. Tổng số chi của quỹ bằng 0,75 tỷ đồng; chênh lệch quỹ bằng 4,15 tỷ đồng, dự kiến nguồn dư quỹ 31/12/2022 bằng 50,4 tỷ đồng, đảm bảo để chi trả các khoản ký quỹ của các dự án giấy phép khai thác hết hạn khai thác và đơn vị đã hoàn phục môi trường.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

## **2. Một số giải pháp tăng cường công tác quản lý các quỹ tài chính**

Triển khai Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

**2.1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Ban Thường vụ Quốc hội, Chỉ thị Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; trong đó tập trung vào các nội dung:**

- Thực hiện rà soát các văn bản, quy định có liên quan đến mục tiêu, điều lệ hoạt động của Quỹ, mô hình tổ chức bộ máy, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ, chế độ tài chính, kế toán, mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng, phân phối chênh lệch thu, chi quỹ... để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

- Rà soát, kiện toàn lại tổ chức bộ máy quản lý, nâng cao năng lực cán bộ, đảm bảo quản lý, sử dụng nguồn lực của quỹ có hiệu quả, công khai, minh bạch; nâng cao tính độc lập và khả năng tự cân đối quỹ, hạn chế bao cấp từ NSNN.

- Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước, thực hiện nghiêm chế độ công khai toàn diện, rộng rãi hoạt động của các quỹ tài chính; xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định của



pháp luật, trong đó quan tâm thực hiện đúng trình tự, thủ tục sử dụng nguồn quỹ, đảm bảo thu đúng, thu đủ các loại quỹ bắt buộc công khai, minh bạch đúng quy định của pháp luật.

- Tập trung chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động các quỹ, phát huy nguồn lực tài chính hiện có để đóng góp thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, nhất là đối với nhóm quỹ hỗ trợ phát triển kinh tế như: Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, Quỹ hỗ trợ nông dân, Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm địa phương.

- Đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh, nâng cao tính độc lập và khả năng tự cân đối của quỹ, hạn chế bao cấp từ NSNN đối với các quỹ phục vụ an sinh xã hội có phạm vi và quy mô hoạt động lớn như Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo; Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm địa phương, để đảm bảo cân đối quỹ và phát triển bền vững.

**2.2. Nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, ngành, cơ quan thường trực quản lý các Quỹ trong thời gian tới:**

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị chủ quản được giao quản lý quỹ rà soát, tổng hợp, đánh giá mô hình tổ chức, hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước, trình cấp có thẩm quyền kiện toàn sắp xếp lại cho phù hợp với quy định của cấp có thẩm quyền và Nghị định số 93/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

- Sở Lao động, thương binh và xã hội chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố rà soát chế độ tiền lương, tiền thưởng của bộ máy quản lý các quỹ tài chính nhà nước, cán bộ quản lý quỹ hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm, tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động- Thương binh xã hội xem xét điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tiễn.

- Cơ quan thường trực của các Quỹ:

- + Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã: Căn cứ Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ, Thông tư số 52/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính, thực hiện rà soát, trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về cơ chế quản lý tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại quỹ và chuyển đổi mô hình của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX địa phương.

- + Quỹ hỗ trợ nông dân, Quỹ bảo vệ môi trường: Theo dõi, bám sát tiến độ hoàn thiện cơ chế, chính sách của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường trong quá trình xây dựng dự thảo về tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính của Quỹ hỗ trợ nông dân, Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam, để trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định có liên quan đối với quỹ do địa phương quản lý.

- + Quỹ phát triển đất: Rà soát lại hoạt động của Quỹ (về nguồn vốn hoạt động của Quỹ, nhiệm vụ của Quỹ, việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ...), theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo hiệu quả, đúng pháp luật. Tiếp tục đôn đốc UBND huyện Thuận Châu thực hiện hoàn ứng số vốn đã quá thời hạn Hợp đồng ứng vốn, số tiền 5,87 tỷ đồng. Trường hợp UBND huyện Thuận Châu không chấp hành, trình UBND tỉnh quyết định giảm trừ trợ cấp cân đối ngân sách huyện theo quy định tại Khoản 7, Điều 6 Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh.



### 2.3. Nghiên cứu đề xuất với Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương

- Đề nghị Bộ Tài chính sớm tham mưu, trình Chính phủ ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Chính phủ; đồng thời hướng dẫn cụ thể về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện theo quy định.

- Đề nghị điều chỉnh chính sách hỗ trợ của Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương và chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế hiện nay.

- Đề nghị bổ sung quy định về chế tài xử lý đối với tổ chức, cá nhân không thực hiện nghĩa vụ đóng góp Quỹ phòng chống thiên tai, các doanh nghiệp chây ỳ, chậm nộp tiền dịch vụ môi trường vào Quỹ bảo vệ phát triển rừng.

Trên đây là báo cáo đánh giá báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2022, dự kiến kế hoạch tài chính năm 2023 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý. UBND tỉnh báo cáo kỳ họp thứ 6 - HĐND tỉnh khóa XV./.

#### Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đại biểu HĐND Tỉnh (Khóa XV);
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, 65 bản

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Quốc Khánh**



**PHỤ LỤC**

**KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2022, DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2023 CỦA CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH  
ĐO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | TÊN QUỸ                                                 | DƯ<br>NGUỒN<br>ĐẾN<br>31/12/2021 | ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022                |                          |                                        |                          |                                     | DƯ<br>NGUỒN<br>ĐẾN<br>31/12/2022 | KẾ HOẠCH NĂM 2023                     |                          |                                        |                          |                                  | DƯ<br>NGUỒN<br>ĐẾN<br>31/12/2023 |
|-----|---------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------|--------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
|     |                                                         |                                  | Tổng nguồn vốn phát<br>sinh trong năm |                          | Tổng số sử dụng nguồn<br>vốn trong năm |                          | Chênh<br>lệch<br>nguồn<br>trong năm |                                  | Tổng nguồn vốn phát<br>sinh trong năm |                          | Tổng số sử dụng nguồn<br>vốn trong năm |                          | Chênh lệch<br>nguồn trong<br>năm |                                  |
|     |                                                         |                                  | Tổng số                               | Tr.đó: Hỗ<br>trợ từ NSNN | Tổng số                                | Tr.đó: Hỗ<br>trợ từ NSNN |                                     |                                  | Tổng số                               | Tr.đó: Hỗ<br>trợ từ NSNN | Tổng số                                | Tr.đó: Hỗ<br>trợ từ NSNN |                                  |                                  |
|     | Tổng cộng                                               | 606.154                          | 362.422                               | 65.850                   | 357.946                                | 67.310                   | 4.476                               | 640.659                          | 348.322                               | 84.518                   | 361.670                                | 85.558                   | (13.348)                         | 656.909                          |
| 1   | Quỹ Vì người nghèo                                      | 2.144                            | 30.867                                | -                        | 24.185                                 | -                        | 6.682                               | 8.826                            | 7.923                                 | -                        | 12.630                                 | -                        | (4.707)                          | 4.120                            |
| 2   | Quỹ bảo trợ trẻ em                                      | 2.162                            | 1.043                                 | 100                      | 1.853                                  | 80                       | (810)                               | 1.352                            | 925                                   | 100                      | 1.066                                  | 100                      | (141)                            | 1.212                            |
| 3   | Quỹ đền ơn đáp nghĩa                                    | 5.627                            | 1.815                                 | -                        | 3.729                                  | -                        | (1.914)                             | 3.713                            | 1.877                                 | -                        | 1.780                                  | -                        | 97                               | 3.810                            |
| 4   | Quỹ hỗ trợ nông dân (1)                                 | 47.114                           | 4.206                                 | 3.350                    | 4.206                                  | 3.350                    | -                                   | 51.320                           | 7.099                                 | 5.400                    | 7.099                                  | 5.400                    | -                                | 58.419                           |
| 5   | Quỹ khuyến học                                          | 1.349                            | 1.925                                 | -                        | 1.793                                  | -                        | 133                                 | 1.482                            | 2.040                                 | -                        | 2.092                                  | -                        | (52)                             | 1.430                            |
| 6   | Quỹ bảo trợ người tàn tật và trẻ<br>mồ côi              | 2.919                            | 1.232                                 | -                        | 1.573                                  | -                        | (341)                               | 2.577                            | 1.528                                 | -                        | 1.674                                  | -                        | (145)                            | 2.432                            |
| 7   | Quỹ nhân đạo vào bảo trợ nạn<br>nhân chất độc da cam    | 2.631                            | 2.743                                 | -                        | 3.562                                  | -                        | (819)                               | 1.812                            | 3.150                                 | -                        | 3.503                                  | -                        | (353)                            | 1.459                            |
| 8   | Quỹ phòng chống thiên tai                               | 9.333                            | 4.528                                 | -                        | 10.125                                 | -                        | (5.597)                             | 3.736                            | 3.279                                 | -                        | 3.583                                  | -                        | (305)                            | 3.432                            |
| 9   | Quỹ Cứu trợ                                             | 9.453                            | 4.232                                 | -                        | 4.283                                  | -                        | (51)                                | 9.402                            | 4.182                                 | -                        | 7.359                                  | -                        | (3.177)                          | 6.225                            |
| 10  | Quỹ hỗ trợ phát triển HTX                               | 2.497                            | 2.500                                 | -                        | 2.250                                  | -                        | 250                                 | 2.747                            | 3.900                                 | -                        | 5.000                                  | -                        | (1.100)                          | 1.647                            |
| 11  | Quỹ bảo vệ môi trường                                   | 42.071                           | 4.500                                 | -                        | 300                                    | -                        | 4.200                               | 46.271                           | 4.900                                 | -                        | 750                                    | -                        | 4.150                            | 50.421                           |
| 12  | Quỹ bảo vệ và phát triển rừng                           | 208.004                          | 235.807                               | -                        | 231.584                                | -                        | 4.223                               | 212.227                          | 228.500                               | -                        | 235.077                                | -                        | (6.577)                          | 205.650                          |
| 13  | Quỹ khám chữa bệnh cho người<br>nghèo                   | 2.520                            | 40.000                                | 40.000                   | 41.480                                 | 41.480                   | (1.480)                             | 1.040                            | 55.018                                | 55.018                   | 56.058                                 | 56.058                   | (1.040)                          | -                                |
| 14  | Quỹ phòng chống tội phạm                                | -                                | 1.200                                 | 1.200                    | 1.200                                  | 1.200                    | -                                   | -                                | 1.500                                 | 1.500                    | 1.500                                  | 1.500                    | -                                | -                                |
| 15  | Nguồn vốn cho vay giải quyết<br>việc làm địa phương (1) | 151.004                          | 25.823                                | 21.200                   | 25.823                                 | 21.200                   | -                                   | 176.827                          | 22.500                                | 22.500                   | 22.500                                 | 22.500                   | -                                | 199.327                          |
| 16  | Quỹ phát triển đất (2)                                  | 117.325                          | -                                     | -                        | -                                      | -                        | -                                   | 117.325                          | -                                     | -                        | -                                      | -                        | -                                | 117.325                          |

Ghi chú: (1) Quỹ hoạt động theo nguyên tắc lũy kế nguồn vốn cho vay qua các năm (số dư cuối kỳ = số dư đầu kỳ + phát sinh tăng trong năm)

(2) Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn (số dư cuối kỳ = số dư đầu kỳ)